TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LƯƠNG SƠN** **TỈNH HOÀ BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10/10/2024
V/v tranh chấp: Ly hôn, chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN, TỈNH HOÀ BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - *Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nguyệt
Các Hội thẩm nhân dân*:* Ông Trần Ánh Hồng và bà Hoàng Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bình - Thư ký Toà án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn *tham gia phiên toà:*
Bà Chu Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2024 tại Toà án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 236 /TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023, về việc: Ly hôn, chia tài sản chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20 /2024/QĐXX - ST ngày 06 tháng 9 năm 2024; giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1952 (có mặt)
Nơi cư trú: Tiểu khu 8, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình.
2/ Bị đơn: Ông Đỗ Xuân H, sinh năm 1950 (có mặt)
Nơi cư trú: Tiểu khu 8, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình.
Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (Nay là Ngân hàng Lộc Phát Việt Nam)
Địa chỉ: LPB TOWER số 20, đường Trần Quang Khải, phường Tr, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo uỷ quyền ông Nguyễn Tiến Việt - giám đốc phòng giao dịch huyện Lương Sơn.(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 08/11/202, biên bản lời khai và tại phiên toà, bà Nguyễn Thị T trình bày :

Tôi là giáo viên trước đây tôi công tác dạy học tại huyện Kim Bôi. Năm 1973, tôi có quan hệ với ông Hvà sinh được 02 người con. Thời điểm đó ông Hcũng đã có vợ con. Đến năm 1978, tôi chuyển công tác và đưa hai con về sinh sống tại xã HSơn, huyện Lương Sơn. Lúc này 3 mẹ con phải sống tại khu tập thể giáo viên của trường rất trật trội

nên tôi đã làm đơn xin Hợp tác xã cấp đất để mẹ con tôi làm nhà ra ở riêng. Năm 1993, tôi được ban quản lý Hợp tác xã HSơn đồng ý duyệt cấp cho tôi thửa đất tại thôn Đồng Táu, xã Hòa Sơn. Ngay sau khi được cấp đất, tôi đã làm nhà để làm nơi ở cho 3 mẹ con. Đến năm 1998, tôi được nhà nước cấp giấy CNQSD đất đứng tên tôi là Nguyễn Thị Thanh. Từ khi có nhà ở riêng, thỉnh thoảng ông Đỗ Xuân Hcó về thăm tôi và các con rồi ông lại về chăm sóc gia đình ông Hòa ở huyện Kim Bôi.

Ngày 09/8/2002 chúng tôi đăng ký kết hôn tại UBND xã HSơn, huyện Lương Sơn, tỉnh HBình và sinh sống tại ngôi nhà mà tôi làm trên đất được nhà nước cấp cho từ năm 1993. Do ông Hkhông có việc làm nên tôi mua cho ông H01 xe máy để ông làm xe ôm kiếm tiền sinh sống nhưng ông Hmải chơi, hay trai gái rượu chè không quan tâm đến gia đình vợ con.

Năm 2019, tôi bán đất được nhà nước cấp năm 1998 tại thôn Đồng Táu, HSơn được 1,2 tỷ đồng. Số tiền có được, tôi dùng 320 triệu để mua đất ở Tiểu khu 8, thị trấn Lương Sơn, làm nhà hết 470 triệu đồng để lấy nơi vợ chồng con cái sinh sống. Số tiền còn lại tôi trả nợ vì năm 2012, con trai tôi ốm nặng, tôi phải vay nợ rất nhiều. Quá trình chung sống với ông Đỗ Xuân Hòa, chúng tôi thường xuyên mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân là do ông Hkhông chịu tu dưỡng bản thân, không làm gương cho con mà thường xuyên chơi bời rượu chè, sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Hơn thế nữa, nhiều lần ông Hđánh tôi nhưng vì tôi là nhà giáo nên tôi cố gắng chịu đựng để tránh những tai tiếng ảnh hưởng đến danh dự nghề nghiệp của tôi, lần gần đây nhất vào tháng 2 năm 2023 ông Hđã đánh tôi phải nhập viện. Đến tháng 7 năm 2023 ông Hlại tiếp tục gọi con gái riêng của ông Hở huyện Kim Bôi ra đánh tôi tại nhà riêng. Sự việc này, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lương Sơn đã thụ lý, giải quyết. Kể từ thời điểm đó đến nay để đảm bảo an toàn tinh mạng, sức khỏe của bản thân, tôi phải về sống với con gái tôi tại khu Tân Bình, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Về phần ông Hòa cũng về sống với con gái riêng ở thôn Gò Chè, xã Hợp Kim, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Không ai quan tâm đến ai nữa.

Về con chung : Chúng tôi có 02 con chung là Đỗ T H sinh năm 1975 (đã mất năm 2012) và cháu Đỗ Thị TH sinh năm 1976 cháu Huyền đã lấy chồng và ở riêng.

Về tài sản chung: Khi làm đơn xin ly hôn, tôi không đề nghị Toà giải quyết tuy nhiên nay ông Hyêu cầu Toà án chia tài sản chung gồm 01 ngôi nhà cấp 4 xây trên diện tích đất 163m2 tại tiểu khu 8, thị trấn Lương Sơn, 01 xe máy BKS: 28G1 - 25376, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 giường, tủ bicphe, 01 bộ bàn thờ , 01 bàn ghế uống nước, 01 bình nước nóng, 03 quạt điện, 01 tủ 3 buồng, 01 phản gỗ , 01 điều Hvà một số đồ dùng sinh hoạt nhỏ không đáng giá gì. Tôi chỉ công nhận số tài sản đồ dùng sinh hoạt trong gia đình là tài sản chung của tôi và ông Hnay ông Hyêu cầu chia thì tôi cũng đồng ý. Riêng nhà và đất ở Tiểu khu 8 là của riêng tôi, tôi không đồng ý chia.

Về nợ chung : Năm 2022 tôi và ông Hòa có vay của Ngân hàng bưu điện Liên Việt số tiền 150 triệu đồng, thế chấp sổ lương hưu của tôi. Mục đích vay để mua sắm nội thất trong nhà và trả nợ tiền trước đây tôi vay chi phí phí vào việc chăm sóc, tang lễ, cất mộ cho bố mẹ ông Hoà, hàng tháng tôi có trả nợ ngân hàng số còn lại hiện nay vẫn nợ. Việc vay Ngân hàng, ông Hòa có biết, có đồng ý kí giấy vay và dùng chi tiêu chung cho gia đình. Nay chúng tôi ly hôn số nợ này tôi đề ghị Toà án xem xét giải quyết mỗi người chịu ½ số nợ còn lại.

**Tại các bản khai đơn đề nghị chia tài sản chung và tại phiên toà, ông Đỗ Xuân Htrình bày:*Tôi đồng ý với quan điểm của bà Nguyễn Thị Tvề điều kiện kết hôn, quá trình chung sống như bà Ttrình bày. Trước khi kết hôn tôi với bà Tsống tại huyện Kim Bôi và một số nơi khác chúng tôi sinh được 02 con chung là cháu Đỗ THiếu sinh năm 1975 (mất năm 2012) và cháu Đỗ THuyền sinh năm 1976. Do có con chung với nhau nên trước khi kết hôn tôi đã có thời gian cùng sống với bà Tvà 2 con tại thôn Đồng Táu xã HSơn, huyện Lương Sơn và cũng cùng sống với gia đình tôi ở huyện Kim Bôi. Sau khi kết hôn tôi (*lúc này tôi đã ly hôn với vợ ở huyện Kim Bôi*), tôi chính thức về ở với vợ con ở thôn Đồng Táu, xã Hòa Sơn. Đến năm 2019, chúng tôi chuyển về sinh sống tại Tiểu khu 8, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn. Chúng tôi sống bình thường, tôi không có lương nhưng tôi lao động tay chân như đi xe ôm, chăn nuôi lợn gà…. Quá trình chung sống với bà Thanh, tôi có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng hiện tại thì không quan hệ nữa. Tôi hay uống rượu do đó vợ chồng hay cãi nhau, bà Thay chửi bới bố mẹ tôi nên tôi không chịu được vợ chồng có xảy ra đánh nhau bằng tay. Hiên tại tôi vẫn còn tình cảm với bà Thanh, bà Tbảo tôi xuống xin lỗi con gái tôi, tôi có xuống nhưng không gặp con gái tôi. Từ tháng 7/2023, bà Tsống với con gái chung của chúng tôi tại thị trấn Xuân Mai, còn tôi về sống tại thôn Gò Chè, xã Hợp Kim, huyện Kim Bôi cùng với con gái riêng của tôi. Đến nay, tôi vẫn còn tình cảm với bà Tnên không đồng ý ly hôn, xin được đoàn tụ.

Về con chung: Có hai con là cháu Đỗ T H sinh năm 1975 (mất năm 2012) và cháu Đỗ T H sinh năm 1976 đã có gia đình riêng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi có 01 ngôi nhà cấp 4 trên diện tích 163m2 đất tại tiểu khu 8 thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, 01 xe máy BKS: 28G1 - 25376, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 giường, 01 tủ bicphe, 01 bộ bàn thờ, 01 bàn ghế uống nước, 01 bình nước nóng, 03 quạt điện, 01 tủ 3 buồng, 01 phản gỗ, 01 điều H và một số đồ dùng sinh hoạt nhỏ. Nguồn gốc về số tài sản chung là do vợ chồng tôi chăn nuôi tích cóp được. Còn thửa đất tại thôn Đồng Táu, xã HSơn là Nhà nước cấp cho bà Tnhưng thực tế là của vợ chồng tôi, thời gian bà Tđược cấp tôi không nhớ nhưng được cấp trước khi bà Tkết hôn với tôi. Nguyện vong của tôi nếu Tòa giải quyết việc ly hôn tôi xin được chia đôi tài sản.

Về công nợ: Tôi không vay nợ ai, không biết bà Tcó vay ai không.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Đại diện Ngân hàng Bưu điện L - ông Nguyễn Văn V trình bày: Ông Đỗ Xuân Hvà bà Nguyễn Thị Tcó ký Hợp đồng tín dụng số HĐTD80C202266 ngày 05/10/2022 với Ngân hàng Bưu điện Liên Việt. Số tiền vay là 150.000.000đồng. Thời hạn vay là 55 tháng. Lãi xuất trong hạn 7%. Mục đích vay để mua sắm đồ dùng nội thất trong gia đình. Tài sản bảo đảm tín chấp là sổ lương hưu của bà Nguyễn Thị Thanh. Tính đến ngày 19/9/2024 bà Tông Hcòn nợ Ngân hàng là 73.616.000 đồng *(Bảy mươi ba triệu sáu trăm mười sáu đồng)*. Nay Tòa án giải quyết cho ông bà Tly hôn, tôi đề nghị Toà án giải quyết buộc bà Tphải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng vay cho đến khi trả nợ xong.

Chị Đỗ Thị THuyền trình bày: Tôi là con gái của bà Tvà ông Hoà, anh trai tôi là Đỗ THiếu đã mất năm 2012. Lý do mẹ tôi xin ly hôn với bố tôi là vì mẹ tôi không thể chịu đựng bố tôi được nữa. Bố tôi thường xuyên uống rượu về đánh đập mẹ tôi, bố tôi không có việc làm nhưng không chịu lao động. Đỉnh điểm là tháng 7 năm 2023 con gái riêng của bố tôi đánh mẹ tôi bị gãy tay, Công an huyện Lương Sơn đã giải quyết. Sau khi bị đánh, mẹ tôi phải về sống với vợ chồng tôi tại thị trấn Xuân Mai, phần bố tôi về sống tại huyện Kim Bôi. Bản thân tôi ủng hộ mẹ tôi được ly hôn với bố tôi.

Về phần tài sản như bố tôi khai là không đúng: Nhà và đất tại Tiểu khu 8, thị trấn Lương Sơn là do mẹ tôi bán nhà đất tại thôn Đồng Táu, xã HSơn để lấy tiền mua đất và nhà tại Tiểu khu 8. Do vậy, nhà đất tại tiểu khu 8 là của riêng mẹ tôi. Bản thân tôi, anh tôi (đã mất) và bố tôi đều không có phần. Tôi đề nghị Toà án bảo vệ quyền lợi cho mẹ tôi.

Chị Nguyễn Thị Liên là con dâu của ông Hòa, bà Ttrình bày: Tôi và anh Đỗ Xuân Hiếu kết hôn năm 1998, sau khi kết hôn chúng tôi về ở với bà Tở thôn Đồng Táu, xã Hòa Sơn. Đến năm 2002, bà Tvà ông Hkết hôn và cũng ở luôn tại ngôi nhà của bà Thanh. Quá trình chung sống với gia đình nhà chồng tôi không đóng góp được tài sản gì. Năm 2019 bà Tbán đất ở HSơn mua đất tại Tiểu khu 8 để ở, tôi cũng không giúp đỡ được gì. Nay bà Tvà ông Hly hôn tôi không có ý kiến đề nghị gì

Toà án tiến hành xác minh tại UBND xã HSơn thì được biết:

Bà Nguyễn Thị Tlà giáo viên dạy học tại trường THCS xã HSơn, huyện Lương Sơn. Khoảng năm, 1990 - 1991 bà Tđưa các con về sinh sống tại khu tập thể của trường. Năm 1993 bà Tcó đơn xin cấp đất để làm nhà. Do hoàn cảnh một mình nuôi 02 con nên nhà nước đã cấp cho bà Tmột thửa đất tại thôn Đồng Táu, xã Hòa Sơn. Năm 1998 bà Tđược đứng tên trong giấy CNQSD đất được cấp. Trước khi kết hôn với bà Thanh, thỉnh thoảng ông Hcó về nhà bà Tsinh sống nhưng sau đó lại đi đâu chúng tôi không nắm được. Thời gian ông Hsống với bà Tthì không có việc làm ổn định. Năm 2019 bà Tchuyển nhượng thửa đất tại Đồng Táu và chuyển về mua đất tại TK 8, thị trấn Lương Sơn.

Đại diện thôn Đồng Táu, xã Hòa Sơn cho biết: Khoảng năm 1990 bà Tvà các con về sinh sống và dạy học tại xã HSơn, huyện Lương Sơn. Thấy hoàn cảnh khó khăn nên Nhà nước có cấp cho bà T01 thửa đất ở thôn Đồng Táu. Năm 2002 bà Tvà ông Hkết hôn

từ đó ông Hở với bà Thanh, ông Hkhông có việc làm ổn định, thỉnh thoảng có đi xe ôm nhưng do chơi bời rượu chè nên kiếm được đồng nào tiêu hết. Năm 2019 bà Tbán thửa đất ở Đồng Táu cho người khác. Tôi nghe nói bảo bán đất xong bà Tmua đất tại Tiểu khu 8, thị trấn Lương Sơn để làm nhà ở. Thời gian ở thôn Đồng Táu, xã Hòa Sơn, gia đình ông Hbà Tkhông kinh doanh chăn nuôi gì.

Theo ông Bùi Văn Chiến cho biết: Ông là hàng xóm với bà Tkhoảng năm 1990-1991 bà Tchuyển về công tác dạy học tại xã HSơn, huyện Lương Sơn. Bà Tcó 02 con nhỏ. Thấy hoàn cảnh khó khăn nuôi hai con nhỏ không có chỗ ở nên nhà nước cấp cho bà Tthửa đất tại thôn Đồng Táu, bà Tđã làm nhà ở trên thửa đất đó. Đến khoảng năm 2000, ông Hvề ở với bà Thanh. Bà Tlà lao động chính trong gia đình, ông Hlà người hay chơi bời, rượu chè, không quan tâm đến gia đình, có một thời gian thỉnh thoảng thấy ông Hlái xe ôm chở khách. Việc ông Hbà Tchăn nuôi lợn để bán thì tôi không thấy. Năm 2019, bà Tbán đất ở thôn Đồng Táu, xã Hòa Sơn, mua đất làm nhà ở thị trấn Lương Sơn. Thời gian bà Tlàm nhà ở thôn Đồng Táu thì ông Hchưa về sống với bà Thanh.

Tại công văn số 685/CNVPĐKDĐ huyện Lương Sơn: Sau khi kiểm tra rà soát hồ sơ địa chính thửa đất số 247, tờ bản đồ số 22 diện tích 2553.9m2 tại thôn Đồng Táu và Hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Trọng Tuấn với bà Nguyễn Thị Thanh. Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai cung cấp cho Toà án 02 bộ Hồ sơ để Toà án có căn cứ giải quyết theo quy định pháp luật.

Ngày 16/ 4 /2024 Toà án đã xem xét thẩm định tại chỗ. Tài sản gồm :

Đất ở diện tích 155,6m2 có các cạnh tiếp giáp như sau :

- Phía Tây bắc giáp nhà bà Mười

- Phía Tây Nam giáp nhà ông Tú

- Phía Đông bắc giáp nhà ông Cường

- Phía Đông Nam giáp đường đi chung TDP số 4

Ngày 08/5/2024 Hội đồng định giá tài sản đã tiến hành định giá :

+ Đất diện tích 155,6m2 *(đất ở 40m2 + đất lâu dài 115,6m2)* x 4.000.000 đồng/m2 = 622.400.000 đồng.

+ Nhà và các tài sản trên đất 294.645.836 đồng.

Tổng giá trị tài sản nhà, đất là: 917.045.836.000 đồng.

Các tài sản là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình các đương sự tự định giá:

Gồm: Xe máy BKS 28 - G1-25376 giá 12.000.000 đồng, 01 tủ lạnh 2.000.000 đồng, 01 máy giặt 1.500.000 đồng, 01 giường 1.000.000 đồng, 01 tủ bicphe 800.000

đồng, 01 bộ bàn thờ 2.000.000 đồng, 01 bàn ghế uống nước 1.000.000 đồng, 01 bình nước nóng 1.000.000 đồng, 03 quạt điện x 200.000 đồng/1 cái = 600.000 đồng, 01 tủ 3 buồng 2.500.000 đồng, 01 phản gỗ 2.500.000 đồng, 01 điều H1.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là đồng dùng sinh hoạt trị giá là: 27.900.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Tvà ông Hòa là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên đến nay mâu thuẫn của ông bà là rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hai ông bà mặc dù đã già nhưng không còn sự tôn trọng lẫn nhau, các bên đều có những hành động xúc phạm, xâm hại sức khỏe, danh dự của nhau. Do vậy đề nghị chấp thuận cho ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn.

Về phần tài sản chung: Hai ông bà sống tại nhà đất số 11, tổ 4, Tiểu khu 8, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn. Giấy CNQSD đất đứng tên bà Nguyễn Thị Thanh.

Xét về nguồn gốc, công sức tạo lập tài sản của các bên thì thấy. Năm 1993, bà Tđược cấp đất tại thôn Đồng Táu, xã Hòa Sơn. Năm 2002, ông Hòa và bà Tmới đăng ký kết hôn, lúc này ông Hòa mới về cùng thường xuyên sinh sống. Năm 2019, bà Tbán nhà đất của bà ở xã Hòa Sơn lấy tiền mua đất, xây nhà ở Tiểu khu 8. Như vậy nguồn gốc nhà đất ở TK8 là tài sản của bà Thanh. Về phần ông Hòa không có nghề nghiệp, thi thoảng đi xe ôm lấy tiền tiêu xài cá nhân, không có đóng góp kinh tế tạo dựng tài sản là nhà đất tại TK8 với bà Thanh.

Tuy nhiên, xét thực tế sau khi được cấp đất ở xã Hòa Sơn, bà Tcòn công tác ở trường và nuôi dạy con cái nên với hơn 2 ngàn mét đất đất được cấp bà Tcũng ít có điều kiện để cải tạo, làm vườn, khi ông Hòa về sống cùng có công sức chăm lo vườn, nhà đất. Ngoài ra, trong thời gian xây dựng nhà cấp 4 tại Tiểu khu 8, ông Hòa cũng cùng bà Ttrông nom, tạo dựng nên ngôi nhà như hiện nay. Xét những điều này cũng cần ghi nhận công sức của ông Hòa trong việc việc tôn tạo, giữ gìn, tạo dựng nhà và đất tại Tiểu khu 8, thị trấn Lương Sơn.

Căn cứ các điều 28,35,147,157,165,227,228,271, BLTTDS năm 2015. Căn cứ các điều 43,51,56,59,62 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và Nghị quyết 326/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án, đề nghị:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Tđối với ông Đỗ Xuân Hòa

Chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc chia tài sản của vợ chồng là nhà đất tại địa chỉ số 11, tổ 4, Tiểu khu 8, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn. Xử cho bà Nguyễn Thị Tđược quyền sử dụng đối với nhà đất tại địa chỉ trên theo trích đo ngày 19.7.2024 của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lương Sơn.

Bà Tcó trách nhiệm thối trả phần công sức đóng góp vào việc trông coi, giữ gìn, tôn tạo tài sản là nhà đất tại Tiểu khu 8 là từ 10% đến 15% giá trị tổng tài sản nhà đất theo định giá.

Về phần tài sản là các đồ dùng sinh hoạt, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận phân chia của các đương sự tại phiên tòa.

Về nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng LP Bank, đây là nợ chung phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên hai ông bà cùng có trách nhiệm trả nợ, mỗi người trả ½ của 73.616.000 đồng. Do hợp đồng tín chấp bằng sổ lương của bà Tnên Bà Ttrả toàn bộ số nợ này cho Ngân hàng và được khấu trừ vào phần nghĩa vụ chi trả cho ông Hòa.

Về phần lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ, các đương sự mỗi bên phải chịu ½ chi phí theo quy định. Về phần án phí, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, xét thấy:

1. Về tố tụng:

1.1. Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tcó đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn giải quyết cho bà được ly hôn ông Đỗ Xuân Hlà người có hộ khẩu thường trú tại tiểu khu 8, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn.

1.2. Về sự vắng mặt của các đương sự:

Ngày 23/9/2024 Toà án mở phiên toà nhưng do bà Tvắng mặt. Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên toà

Ngày 28/9/2024 toà án tiếp tục mở phiên toà do ông Hvắng mặt. Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên toà ấn định xét xử vào ngày 10/10/2024

2. Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Tvà ông Đỗ Xuân Hkết hôn ngày 09/8/2002 tự nguyện đăng ký tại UBND xã HSơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại điều 9 luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Trước khi kết hôn với bàTông Hđã có một đời vợ là bà Nguyễn Thị Hvà có 5 người con. Con lớn sinh năm 1970, con nhỏ sinh năm 1978 ông Hvà bà Hđã ly hôn tại Toà án nhân dân huyện Kim Bôi theo bản án số 06 ngày 05/10/1993.

Bà Ttrước đây là giáo viên công tác tại huyện Kim Bôi và có tình cảm với ông Hvà sinh được 2 con chung là anh Đỗ THiếu sinh năm 1975 và chị Đỗ Thị THuyền sinh năm 1976. Năm 1978 bà Tchuyển công tác về xã HSơn, Lương Sơn HBình, bà đã đưa hai con về xã HSơn sinh sống trong nhà tập thể giáo viên trường trung học cơ sở HSơn. Bà Tkhai rằng sau khi kết hôn ông Hra ở cùng mẹ con bà tại xóm Đồng Táu xã HSơn và sau đó ông bà ra sống tại tiểu khu 8 thị trấn Lương Sơn. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân là do ông Hchơi bời, rượu chè, trai gái không có trách nhiệm với gia đình vợ con, nhiều lần đánh đập bà. Tháng 2/2023 ông Hđánh bà phải đi viện. Đến tháng 7/2023 ông Hgọi con gái riêng của ông ở Kim Bôi ra đánh bà sự việc này đã được Công an huyện Lương Sơn giải quyết. Cũng từ đó đến nay bà về sống với con gái tại thị trấn Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội. Vợ chồng đã ly thân không còn tình cảm với nhau nữa nên bà xin được ly hôn.

Ông Đỗ Xuân Hxác nhận về điều kiện, thủ tục kết hôn và phần con chung như bà Ttrình bày là đúng nhưng ông không muốn ly hôn vì ông vẫn còn tình cảm với bà, ông cũng công nhận quá trình chung sống với bà Tông có quan hệ với người phụ nữ bên ngoài nhưng giờ ông không còn quan hệ nữa và ông cũng hay uống rượu, không có công ăn việc làm, vợ chồng có xảy ra đánh nhau là do bà Tcoi thường ông không có việc làm và chửi bố mẹ đẻ của ông.

Xét thấy: Mâu thuẫn của ông bà xảy ra đã lâu và ngày càng trầm trọng và thường xuyên. Đến thời điểm này ông bà là người cao tuổi nhưng ông bà không biết tôn trọng nhau, vẫn đánh nhau. Hiện nay ông bà đã ly thân mỗi người một nơi không quan tâm đến nhau nữa như vậy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được. HĐXX căn cứ Điều 56 Luật HNGĐ chấp nhận đơn ly hôn của bà Nguyễn Thị T.

Về con chung : Ông bà có hai con chung là anh Đỗ THiếu sinh năm 1975 (mất năm 2012), chị Đỗ Thị THuyền sinh năm 1976 đã đi xây dựng gia đình và ở riêng. Toà không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung :

Ông Hoà, bà Tthống nhất được khối tài sản chung gồm : 01 xe máy, 01 bàn thờ, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 bộ âm ly, 01 phản gỗ, 01 giường, 01 bộ bàn ghế uống nước, 01 bình nước nóng lạnh, 03 quạt điện, 01 tủ 3 bường, 01 điều Hvà một số đồ dùng sinh hoạt khác.

Đối với căn nhà cấp 4 trên diện tích đất ở tiểu khu 8, thị trấn Lương Sơn, ông Hkhai rằng khi mua là tiền của vợ chồng nên đó là tài sản chung yêu cầu chia đôi.

Bà Tkhai rằng căn nhà cấp 4 diện tích 163m2 đất ở tiểu khu 8 là do bà mua bằng nguồn tiền riêng của bà. Bà Tđã bán nhà và đất được nhà nước cấp cho bà từ năm 1998 vì vậy đây là tài sản riêng của bà nên bà không đồng ý chia.

Căn cứ vào các biên bản xác minh tại chính quyền địa phương và hàng xóm nơi ông bà cư trú trước đây và hiện nay .

Căn cứ vào biên bản xác minh tại UBND xã HSơn và công văn số 685/CNVPĐKĐĐ huyện Lương Sơn thì thấy: Từ năm 1978 bà Tchuyển công tác ra HSơn bà đã đưa 2 con ra HSơn sinh sống trong khu tập thể giáo viên HSơn. Năm 1993 bà Tcó đơn xin cấp đất để làm nhà ở. Ban quản lý HTX HSơn xét duyệt cho bà 01 thửa đất tại thôn Đồng Táu. Sau khi được cấp đất, bà đã làm nhà mẹ con bà ở trên thửa đất đó.

Năm 1998, bà Tđược UBND huyện Lương Sơn cấp GCNQSD đất số CS586655. Năm 2019 bà chuyển nhượng QSD đất này cho bà Nguyễn Thu Hằng. Bà Tlấy tiền nhận chuyển nhượng thửa đất số 406 tờ bản đồ số 146A - IV tiểu khu 8, thị trấn Lương Sơn có diện tích 155,6m5 (trong đó đất ở 40m2, đất LNK 115,6m2) theo CNQSD đất số BH 334049 số vào sổ cấp GCNQSD đất số CH 00763 của ông Nguyễn Trọng Tuấn. Mặc dù tài sản này hình thành trong thời kỳ hôn nhân nhưng bà Tđã chứng minh được nguồn tiền là do bà bán tài sản riêng của bà để mua và bà không nhập tài sản riêng của mình vào khối tài sản chung của vợ chồng. Nên giấy CNQSD đất đã được sang tên một mình bà bằng hình thức đính chính trang IV giấy CNQSD đất. Do vậy căn nhà cấp 4 diện tích 163m2 tại tiểu khu 8, Lương Sơn, HBình là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị Thanh.

Ông Đỗ Xuân Hkhai rằng nhà và đất ở tiểu khu 8, thị trấn Lương Sơn là tài sản chung mua bằng tiền của vợ chồng nhưng ông không đưa ra được căn cứ để chứng minh cho quan điểm của mình nên HĐXX không công nhận.

Từ khi kết hôn cùng bà Tkhối tài sản đất và nhà của bà Tkhông phát triển được gì thêm bản thân ông cũng thừa nhận không có công ăn việc làm ổn định hay chơi bời rượu chè, trai gái. Tuy nhiên từ khi kết hôn năm 2002, ông Hra ở cùng mẹ con bà Ttại thôn Đồng Táu. Đến năm 2019 chuyển nhà đến Tiểu khu 8, thị trấn Lương Sơn cùng với bà Thanh. Trong quá trình này, ông Hòa cũng cùng lao động, làm vườn, trông nom nhà cửa khi xây dựng ... Vì vậy cũng cần xem xét đến công sức của ông Hòa trong việc gìn giữ, tôn tạo nhà đất tại thôn Đồng Táu, xã Hòa Sơn và nhà ở tại Tiểu khu 8, thị trấn Lương Sơn.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 08/5/2024 tổng giá trị tài sản nhà và đất là: 917.045.836 đồng Hội đồng xét xử trích công sức đóng góp vào việc tôn tạo, gìn giữ nhà

đất cho ông Hlà 15%. Như vậy ông Hđược hưởng cụ thể 917.045.836 đồng x 15% = 137.556.875 đồng. *(Một trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, tám trăm bảy mươi lăm đồng)*

Về phần tài sản chung gồm có : 01 xe máy BKS: 28G1 - 25376 trị giá 12.000.000 đồng, 01 tủ lạnh 2.000.000 đồng, 01 máy giặt 1.500.000 đồng, 01 giường 1.000.000 đồng, tủ bicphe 800.000 đồng, 01 bộ bàn thờ 2.000.000 đồng, 01 bàn ghế uống nước 1.000.000 đồng, 01 bình nước nóng 1.000.000 đồng, 03 quạt điện x 200.000 đồng/01 cái = 600.000 đồng, 01 tủ 3 buồng 2.500.000 đồng, 01 phản gỗ 2500.000 đồng, 01 điều H1.000.000 đồng. Tổng trị giá 27.900.000 đồng. *(Hai bảy triệu, chín trăm nghìn đồng chẵn).*

Toà xét số tài sản chung cần được chia đôi tuy nhiên tại phiên toà ông bà tự thoả thuận phân chia như sau:

Bà Tđược sử dụng các tài sản gồm: 01 bộ bàn thờ 2.000.000 đồng, 01 tủ lạnh 2.000.000 đồng, 01 máy giặt 1.500.000 đồng, 01 bình nước nóng 1.000.000 đồng, 03 quạt 600.000 đồng, 01 tủ 3 buồng 2.500.000 đồng, 01 điều H1.000.000 đồng, 01 gường trị giá 1.000.000đồng. Trị giá 11.600.000đồng. *(Mười một triệu, sáu trăm nghìn đồng chẵn)*

Ông Hđược sử dụng: 01 xe máy BKS: 28G1 - 25376 giá 12.000.000 đồng; 01 phản gỗ 2.500.000 đồng; 01 bàn ghế uống nước 1.000.000 đồng, 01 tủ bicphe 800.000 đồng. Tổng trị giá 16.300.000.000 đồng. *(Mười sáu triệu, ba trăm nghìn đồng chẵn)*

Về nợ chung: Bà Tkhai năm 2002 có vay Ngân hàng Liên Việt số tiền 150 triệu đồng mua sắm nội thất và tiêu dùng gia đình. Căn cứ vào HĐTD số 80C202266 ngày 05/10/2022, bà Tvà ông Hvay Ngân hàng 150 triệu đồng, thời hạn vay 55 tháng, lãi xuất 7%, mục đích vay mua sắm đồ dùng nội thất trong gia đình. Tài sản bảo đảm: tín chấp sổ lương hưu của bà Nguyễn Thị Thanh. Tính đến ngày 19/9/2024, ông Hbà Tcòn nợ Ngân hàng LP Bank 73.616.000 đồng. Đây được xác định là khoản nợ chung của ông bà nên phải chia đôi theo quy định pháp luật mỗi người ½ số nợ còn lại, cụ thể là: 73.616.000 : 2 = 36.808.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay đại diện Ngân hàng Liên Việt đề nghị buộc bà Nguyễn Thị Tphải tiếp tục thực hiện Hợp đồng vay cho đến khi trả nợ xong. Bà Tđồng ý, HĐXX chấp nhận để bà Ttiếp tục trả hết số nợ cho Ngân hàng Liên Việt. Số tiền 36.808.000 đồng là phần nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng của ông Đỗ Xuân Hsẽ được đối trừ vào số tiền trích công sức đóng góp của ông Đỗ Xuân Hlà: 137.556.875 đồng - 36.808.000 đồng = 100.748.875 đồng.

* Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị Tphải chịu 3.500.000 đồng, ông Đỗ Xuân Hphải chịu 3.500.000 đồng. Bà Tđã nộp đủ 7.000.000 đồng, nay ông Hòà phải có nghĩa vụ nộp trả cho bà T3500.000 đồng.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tvà ông Đỗ Xuân Hlà người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ điểm đ, diều 12, Nghị Nguyết 326/2016 ông Hvà bà Tkhông phải chịu án phí ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm.

Từ những căn cứ nhận định trên :

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 28,35,147,157,165,227,228,271, BLTTDS năm 2015.

Các Điều 43,51,56,59,62 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị định 326/2016 UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Toà án.

1. Tuyên xử:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Tđối với ông Đỗ Xuân Hoà.

- Xử cho bà Nguyễn Thị Tđược ly hôn ông Đỗ Xuân Hoà

1.2. Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của ông Đỗ Xuân Hoà.

- Xử cho bà Nguyễn Thị Tđược quyền sở hữu, sử dụng ngôi nhà cấp 4 liền kề công trình phụ nằm trên thửa đất số 406 tờ bản đồ 146A - IV tiểu khu 8, thị trấn Lương Sơn có diện tích 155,6m5 *(trong đó đất ở 40m2, đất LNK 115,6m2)* theo CNQSD đất số BH 334049, số vào sổ cấp GCNQSD đất CH 00763 tên Nguyễn Trọng Tuấn đã được đính chính tại trang IV ngày 16/10/2019 tên bà Nguyễn Thị T(Theo trích đo ngày 19.7.2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lương Sơn) tại địa chỉ số 11, tổ 4, Tiểu khu 8, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn

Bà Nguyễn Thị Tphải Ttoán tiền công sức đóng góp tài sản cho cho ông Đỗ Xuân Hsố tiền 100.748.875đồng được làm tròn là 100.750.000 đồng (một trăm triệu,bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

1.3.Công nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc phân chia tài sản là xe mô tô và các đồ dùng sinh hoạt khác, cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị Tđược sở hữu, sử dụng các tài sản gồm: 01 bộ bàn thờ trị giá 2.000.000 đồng, 01 tủ lạnh trị giá 2.000.000 đồng, 01 máy giặt trị giá 1.500.000 đồng,

01 bình nước nóng trị giá 1.000.000 đồng, 03 quạt điện trị giá 600.000 đồng, 01 tủ 3 buồng trị giá 2.500.000 đồng, 01 điều Htrị giá 1.000.000 đồng, 01 giường trị giá 1.000.000 đồng. Tổng trị giá các tài sản bà Nguyễn Thị Tđược sở hữu, sử dụng là 11.600.000 đồng. *(Mười một triệu, sáu trăm nghìn đồng chẵn)*

Ông Đỗ Xuân Hđược sở hữu, sử dụng các tài sản gồm: 01 xe mô tô BKS: 28G1 - 253.76 đăng ký xe tên bà Nguyễn Thị Ttrị giá 12.000.000 đồng; 01 phản gỗ trị giá 2.500.000 đồng; 01 bàn ghế uống nước trị giá 1.000.000 đồng, 01 tủ bicphe trị giá 800.000 đồng. Tổng trị giá các tài sản ông Đỗ Xuân Hòa được sở hữu, sử dụng là 16.300.000.000 đồng. *(Mười sáu triệu, ba trăm nghìn đồng chẵn).*

Ông Đỗ Xuân H, bà Nguyễn Thị Tcó trách nhiệm liên hệ các cơ quan chức năng để thực hiện nghĩa vụ sang tên đăng ký sở hữu đối với xe mô tô BKS: 28G1 - 253.76 theo đúng quy định.

1.4 Về công nợ: Bà Nguyễn Thị Tphải tiếp tục trả khoản vay còn lại cho Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (Nay là Ngân hàng Lộc Phát Việt Nam) theo hợp đồng tín dụng số 80C2266 ngày 5/10/2022 tính đến ngày 19.9.2024 là 73.616.000 đồng (Bảy ba triệu, sáu trăm mười sáu triệu đồng) cho đến khi trả xong.

2. Về chi phí tố tụng: Mỗi bên phải chịu 3.500.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Xác nhận bà Nguyễn Thị Tđã nộp 7000.000 đồng *(Bảy triệu đồng)* nay ông Đỗ Xuân Hphải trả cho bà T3.500.000đồng *(Ba triệu năm trăm nghìn đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu người phải thi hành án không trả khoản tiền nêu trên cho người được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thỏa thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án. Hoặc bị cưỡng chế thi hành ántheo quy định tại diều 6,7 và 9 của luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí : Bà Nguyễn Thị Tvà ông Đỗ Xuân H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm .

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lương Sơn;
- Chi cục THADS huyện Lương Sơn;
- UBND xã Tân Vinh
- Cổng thông tin TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Nguyệt